



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

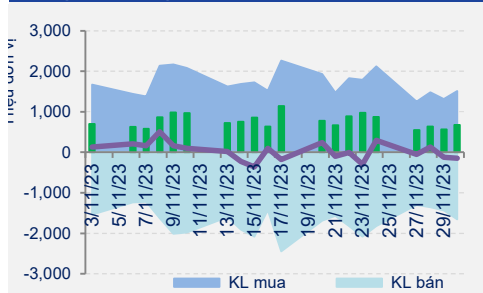
30/11/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

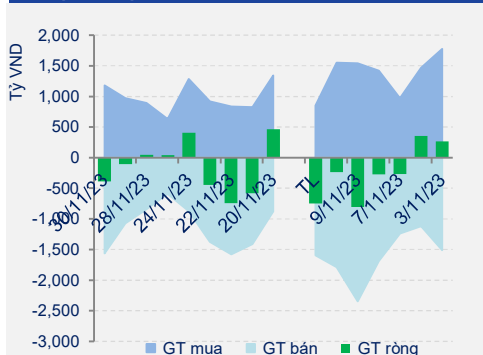
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,094.13	226.15
% Thay đổi	↓ -0.79%	↓ -0.39%
KLGD (CP)	670,330,619	99,345,592
GTGD (tỷ đồng)	14,647.29	2,020.02
Tổng cung (CP)	1,657,836,863	174,658,900
Tổng cầu (CP)	1,513,237,741	144,572,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	50,623,578	5,416,008
KL mua (CP)	38,606,723	1,808,400
GT mua (tỷ đồng)	1,179.48	43.16
GT bán (tỷ đồng)	1,565.01	133.59
GT ròng (tỷ đồng)	(385.53)	(90.43)

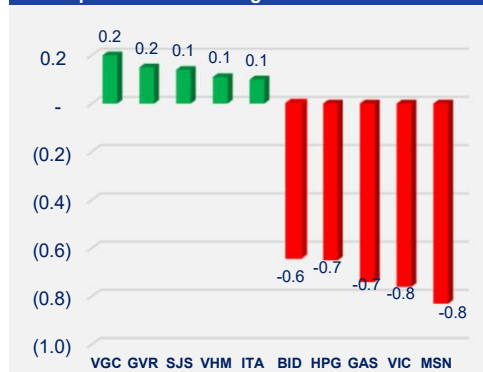
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Thị trường kết thúc tháng 11/2023 với phiên giao dịch giảm điểm cuối phiên trước áp lực cơ cấu danh mục của quỹ ETF bám theo chỉ số MSCI cuối phiên. Qua đó VN-INDEX kết thúc tháng 11/2023 ở mức 1.094,13 điểm, phục hồi tăng 6,4% so với tháng 10/2023 sau 02 tháng chịu áp lực điều chỉnh mạnh từ vùng giá quanh 1.250 điểm về vùng giá 1.020 điểm với thanh khoản cải thiện tốt trở lại khi khối lượng giao dịch tăng 19,65% so với tháng 10. HNX-INDEX kết thúc tháng 11 ở mức 226,15 điểm tăng 9,69% so với tháng 10 với thanh khoản cũng cải thiện tốt so với mức trung bình.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết phiên giao dịch cuối tháng 11 đạt 16.662 tỷ đồng, tăng 16,6% so với phiên trước, ở mức trung bình khi nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch. Trong đó nhà đầu tư nước tiếp tục bán ròng phiên thứ hai liên tiếp với giá trị 373,58 tỷ đồng trên HOSE, trong đó tập trung bán ròng các cổ phiếu ngân hàng, thép, chứng khoán; bán ròng trên HNX với giá trị 90,43 tỷ đồng, tập trung khá đột biến nhóm chứng khoán sau khi mua ròng phiên trước.

Ngân hàng Nhà nước cho biết ngày 29/11/2023 đã có văn bản thông báo mức tăng trưởng tín dụng (room tín dụng) tăng thêm cho các tổ chức tín dụng. Theo đó, các tổ chức tín dụng có dư nợ tín dụng đến nay đạt đến 80% chỉ tiêu tín dụng đã được thông báo thì sẽ được chủ động bổ sung hạn mức tăng thêm dựa trên cơ sở xếp hạng năm 2022, đồng thời ưu tiên thêm cho những tổ chức tín dụng tập trung tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ và hạ lãi suất cho vay xuống mức thấp trong thời gian vừa qua. Tính đến ngày 22/11/2023, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống mới đạt 8,21%, thấp hơn so với chỉ tiêu định hướng đầu năm là 14,5%.

Với áp lực bán ròng của khối ngoại nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục có diễn biến tiêu cực, ảnh hưởng lên điểm số thị trường chung trong gần cuối phiên khi đa số giảm điểm, thanh khoản gia tăng với SSB (-1,95%), OCB (-1,84%), VAB (-1,52%), TCB (-1,34%), BID (-1,15%)... ngoài các mã tăng nhẹ như TPB (+0,89%), KLB (+0,88%), LPB (+0,66%)...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính chứng khoán sau diễn biến tăng giá trong phiên cũng chịu áp lực điều chỉnh nhẹ cuối phiên, thanh khoản gia tăng khi giảm điểm như BSI (-1,76%), APS (-1,45%), FTS (-1,40%), AGR (-1,28%)...

Trong khi đó các cổ phiếu nhóm bất động sản khu công nghiệp có diễn biến nổi bật ngay từ đầu phiên, nhiều mã tăng giá mạnh, mặc dù chịu áp lực bán cuối phiên nhưng đa số vẫn tăng giá tích cực, thanh khoản gia tăng mạnh với ITA (+6,94%), VGC (+3,22%), SIP (+1,90%), TIP (+1,01%).... Các nhóm ngành khác hầu hết có diễn biến kém tích cực, biến động trong biên độ hẹp và giảm điểm khi kết thúc phiên, thanh khoản dưới mức trung bình.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2312 giảm mạnh cuối phiên với mức giảm 16,1 điểm (-1,47%), chênh lệch gia tăng âm -5,7 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng 29,46% so với phiên trước, trên mức trung bình, khối lượng mở OI tăng, với các vị thế đầu cơ trong phiên tăng trở lại khi thị trường biến động giảm cuối phiên. Xu hướng ngắn hạn VN30F2312 trở nên kém tích cực dưới vùng kháng cự quanh 1.085 điểm. Các kỳ hạn VN30F2401, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -3,6 điểm đến -10,7 điểm, trong đó kỳ hạn VN30F2403 thấp hơn kỳ hạn VN30F2406, kỳ hạn VN30F2401 cao hơn VN30F2312, cho thấy các trader kém lạc quan với VN30, phòng ngừa rủi ro ở các kỳ hạn lớn và có thể kỳ vọng VN30 sẽ phục hồi ở vùng 1.071 -1.074 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Mốc điểm số 1.100 dường như vẫn là ngưỡng cản tâm lý khó vượt qua với Vn-Index khi thị trường yếu dần về cuối phiên và chỉ số đóng cửa lại giảm xuống dưới ngưỡng này. Chốt phiên VnIndex giảm -8,67 điểm (-0,79%) và đóng cửa ở 1.094,13 điểm. Xét dưới góc nhìn ngắn hạn như chúng tôi liên tiếp nhận định nhịp hồi phục vừa qua mang tính kỹ thuật bởi VnIndex đã đánh mất xu hướng uptrend và có thể kết thúc bất kỳ thời điểm nào. Mặc dù chỉ số đóng cửa phiên hôm nay dưới mốc 1.100 điểm tuy nhiên với biên độ dao động khá chặt chẽ trong các phiên gần đây thì chúng tôi vẫn kỳ vọng Vn-Index sẽ chinh phục thành công ngưỡng 1.100 điểm trong các phiên tới và tiếp tục nhịp hồi phục trước khi hình thành khu vực cân bằng tích lũy mới.

Xu hướng trung hạn của thị trường vẫn chưa có nhiều thay đổi khi đang vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại sau giai đoạn giảm sâu. Nếu VnIndex sớm lấy lại hỗ trợ 1.100 điểm thì khả năng cao thị trường sẽ hình thành nền tích lũy trong biên độ 1.100 điểm - 1.150 điểm, trong trường hợp tiêu cực hơn vùng tích lũy sẽ hạ thấp trong khu vực 1.000 điểm - 1.100 điểm. Với diễn biến tích cực của thị trường trong giai đoạn gần đây chúng tôi cho rằng khả năng Vn-Index tích lũy ở vùng điểm số cao có cơ sở tin cậy hơn.

Khả năng hình thành nhịp hồi phục tiếp theo của thị trường vẫn chưa rõ ràng chừng nào VnIndex vẫn chưa thể tăng điểm để thoát ra khỏi ngưỡng 1.100 điểm trong các phiên tới. Nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân với tỷ trọng thấp cần tiếp tục theo dõi thêm diễn biến thị trường và chỉ xem xét mua thêm nếu VN-Index tăng điểm vượt qua 1.100 điểm với động lực mạnh. Nhà đầu tư dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại chờ cơ hội giải ngân thêm khi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp !



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

30/11/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
PVS	38.60	34-35	39-40	33	20.9	19.2%	-26.6%	Theo dõi giải ngân
BFC	24.15	19.5-21	26-27	18	10.8	18.5%	1227.6%	Theo dõi giải ngân
VGC	54.50	49-51	60-62	48	17.7	8.1%	86.6%	Theo dõi giải ngân
PVD	28.00	26.5-27.5	30-31	25	35.9	11.2%	546.3%	Theo dõi giải ngân
PVP	13.75	13-14	17.5-18.5	12	7.6	75.4%	-68.3%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	24.7	22.3	28-28.5	25	10.8%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	22.7	18.6	26-27	22	22.0%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	26.2	24.45	30-31	25	7.2%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	47.2	45.1	52-53	45	4.5%	Nắm giữ
22/11/2023	LSS	11.1	11.4	15-16	11	-2.6%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ
Xuất siêu toàn ngành nông lâm ngư nghiệp đạt trên 10 tỷ USD

Trong 11 tháng của năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu nông lâm thủy sản ước đạt 85,13 tỷ USD. Trong đó: xuất khẩu 47,84 tỷ USD; nhập khẩu 37,29 tỷ USD. Như vậy, tính đến thời điểm này, toàn ngành nông lâm ngư nghiệp xuất siêu 10,55 tỷ USD tăng 33,7% so với cùng kỳ năm trước...

11 tháng, cả nước có hơn 146 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới

Theo Tổng cục thống kê, 11 tháng năm 2023, cả nước có hơn 146 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.366,2 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 974,1 nghìn lao động, tăng 6% về số doanh nghiệp, giảm 7,9% về vốn đăng ký và tăng 7,2% về số lao động so với cùng kỳ năm trước.

NHNN tiếp tục điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vừa thông báo mức tăng trưởng tăng thêm cho các tổ chức tín dụng theo các nguyên tắc và tiêu chí cụ thể. Theo đó, các tổ chức tín dụng (TCTD) có dư nợ tín dụng đến nay đạt đến 80% chỉ tiêu tín dụng đã được thông báo thì sẽ được chủ động bổ sung hạn mức tăng thêm dựa trên cơ sở xếp hạng năm 2022, đồng thời ưu tiên thêm cho những TCTD tập trung tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ và hạ lãi suất cho vay xuống mức thấp trong thời gian vừa qua.

Giá thép xây dựng tăng lần thứ hai trong 10 ngày

Các doanh nghiệp thép tiếp tục tăng giá thép xây dựng thêm 50.000-250.000 đồng/tấn, đánh dấu lần tăng giá thứ hai trong vòng 10 ngày qua. Giá thép xây dựng quay đầu tăng sau giai đoạn dài giảm giá rồi đi ngang. Trước đợt tăng này, giá thép xây dựng từng bị điều chỉnh giảm hơn 10 lần trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ yếu ớt.

Giá xăng RON 95 giảm về dưới 23.000 đồng

Theo điều hành của liên Bộ Công Thương - Tài chính hôm nay, giá xăng RON 95-III (loại phổ biến trên thị trường) giảm 30 đồng, về 22.990 đồng; E5 RON 92 tăng 100 đồng, lên 21.790 đồng.

TIN DOANH NGHIỆP
VNDirect muốn bán công ty quản lý quỹ IPA

Theo đó, HĐQT VND thông qua về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH MTV QLQ đầu tư chứng khoán I.P.A.A, sau khi chuyển nhượng thì VND không còn là công ty mẹ của IPAAM. IPAAM được thành lập vào năm 2008, hiện có vốn điều lệ 100 tỷ đồng. Ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất quý 3, IPAAM là công ty con duy nhất của VNDirect (sở hữu 100% vốn). Công ty đang quản lý một số quỹ như Quỹ đầu tư chủ động VND, Quỹ đầu tư trái phiếu VND, Quỹ đầu tư trái phiếu linh hoạt VND, Quỹ ETF IPAAM VN100.

Dược phẩm Hà Tây sắp chào bán thêm 8,4 triệu cp cho nhà đầu tư chiến lược Nhật Bản

HĐQT CTCP Dược phẩm Hà Tây vừa thông qua nghị quyết triển khai phương án chào cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược ASKA Pharmaceutical Co., Ltd. có trụ sở chính tại Tokyo, Nhật Bản. Số lượng chào bán là 8,4 triệu cp, tương ứng 11,36% số cổ phiếu đang lưu hành. Thời gian thực hiện dự kiến vào quý 4/2023.

HAG công bố danh sách nhà đầu tư chiến lược mới

Theo danh sách mới, CTCP Chứng khoán LPBank dự kiến mua 50 triệu cp (tương đương tỷ lệ sở hữu 4,73% sau đợt phát hành), CTCP Tập đoàn ThaiGroup mua 52 triệu cp (tỷ lệ 4,92%) và nhà đầu tư chuyên nghiệp Nguyễn Đức Quân Tùng mua 28 triệu cp (tỷ lệ 2,65%).

Novaland đề xuất đầu tư tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng mới

Cụ thể, Tập đoàn Novaland vừa có văn bản gửi tỉnh Bình Thuận đề xuất đầu tư một tổ hợp du lịch - nghỉ dưỡng rộng khoảng 436,8ha tại khu vực Mũi Yến (thuộc xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình).

Khởi tố, bắt tạm giam Chủ tịch LDG Nguyễn Khánh Hưng

Cụ thể, ngày 29/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai ra quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Khánh Hưng, sinh năm 1978, Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của LDG về tội "Lừa dối khách hàng" quy định tại Điều 198 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

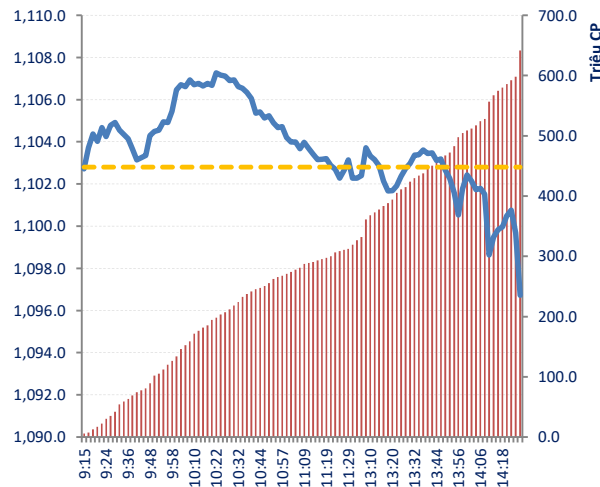
PVS trúng thêm gói thầu trăm triệu đô từ dự án khí Lô B

Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) vừa trúng thêm gói thầu từ Dự án khí Lô B, với đơn vị vận hành là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC (PTSC M&C) - công ty con của PVS.

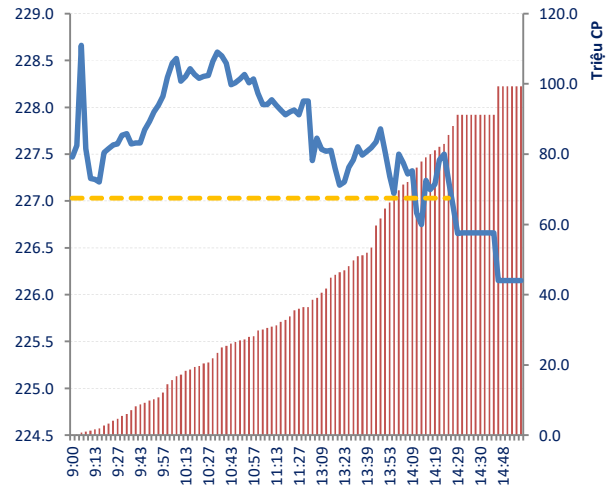


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

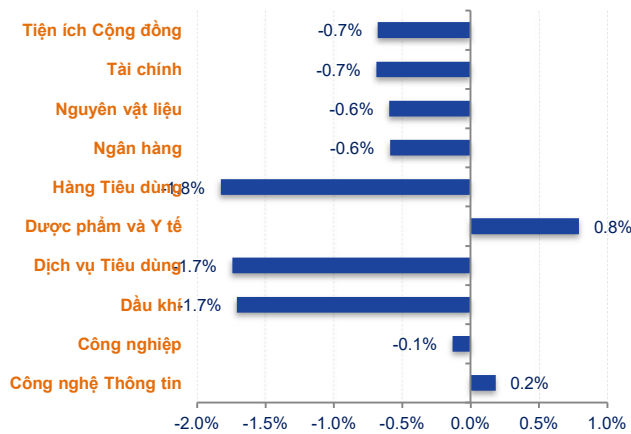
KLGD và VN-Index trong phiên



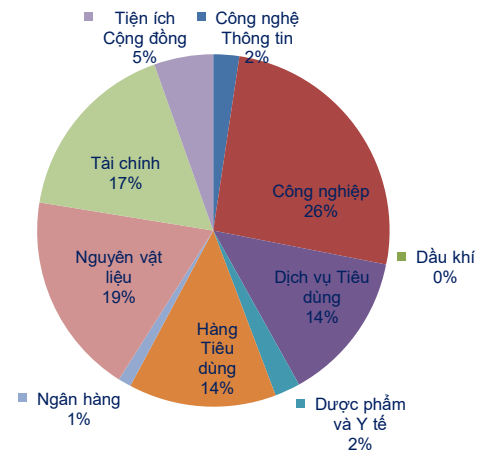
KLGD và HNX-Index trong phiên



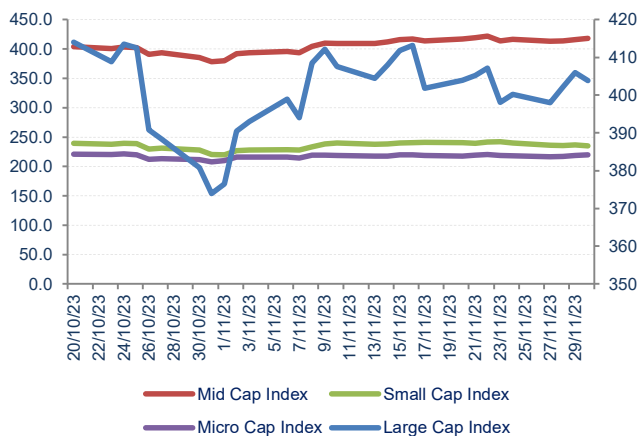
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



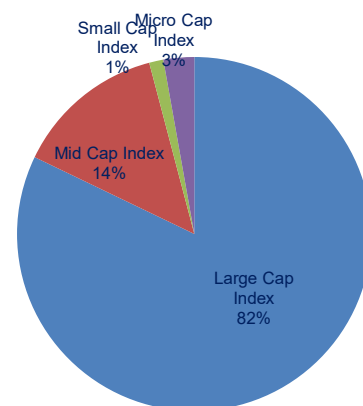
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	NKG	2,529,000	FUESSVFL	5,102,600	1	HUT	1,162,800	SHS	2,989,204
2	HAG	2,525,100	HPG	2,360,415	2	EVS	56,000	PVS	622,300
3	EVF	2,341,516	VNM	1,532,942	3	VIG	35,000	IDC	472,575
4	VHM	2,104,570	VND	1,437,429	4	CEO	23,900	TIG	378,800
5	TCH	1,608,400	SSI	1,425,297	5	TNG	6,216	NRC	120,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	16.45	16.40	↓ -0.30%	38,612,500	SHS	18.10	18.10	→ 0.00%	40,036,591
VND	21.05	20.95	↓ -0.48%	28,329,400	CEO	21.90	21.60	↓ -1.37%	12,968,147
HAG	11.25	11.15	↓ -0.89%	26,064,600	PVS	39.00	38.60	↓ -1.03%	6,867,453
NVL	18.10	17.70	↓ -2.21%	25,525,400	HUT	19.50	19.90	↑ 2.05%	4,708,136
HQC	3.59	3.74	↑ 4.18%	24,906,100	MBS	21.60	21.40	↓ -0.93%	4,275,628

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HU1	7.46	7.98	0.52	↑ 6.97%	BXH	15.00	16.50	1.50	↑ 10.00%
SJS	67.60	72.30	4.70	↑ 6.95%	KHS	10.60	11.60	1.00	↑ 9.43%
ITA	5.76	6.16	0.40	↑ 6.94%	PTD	6.70	7.30	0.60	↑ 8.96%
VMD	16.65	17.80	1.15	↑ 6.91%	TXM	4.60	5.00	0.40	↑ 8.70%
DBD	55.10	58.90	3.80	↑ 6.90%	ATS	9.10	9.80	0.70	↑ 7.69%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CTG	29.40	26.30	-3.10	↓ -10.54%	PTI	50.00	45.00	-5.00	↓ -10.00%
SVC	30.70	28.60	-2.10	↓ -6.84%	LBE	14.60	13.30	-1.30	↓ -8.90%
LGC	54.40	50.70	-3.70	↓ -6.80%	HCT	10.10	9.30	-0.80	↓ -7.92%
COM	30.15	28.35	-1.80	↓ -5.97%	X20	8.80	8.20	-0.60	↓ -6.82%
KDC	63.50	59.90	-3.60	↓ -5.67%	DAE	15.60	14.60	-1.00	↓ -6.41%

(*) Giá điều chỉnh

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	38,612,500	8.2%	1,005	16.4	1.3
VND	28,329,400	7.8%	957	22.0	1.6
HAG	26,064,600	18.6%	1,070	10.5	2.0
NVL	25,525,400	-1.4%	(309)	-	0.8
HQC	24,906,100	0.1%	12	305.4	0.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	40,036,591	5.4%	643	28.1	1.5
CEO	12,968,147	6.7%	955	22.9	1.8
PVS	6,867,453	6.7%	1,846	21.1	1.4
HUT	4,708,136	0.8%	122	160.2	1.6
MBS	4,275,628	10.4%	1,104	19.6	1.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HU1	↑ 7.0%	0.9%	144	51.7	0.5
SJS	↑ 7.0%	7.7%	1,768	38.2	2.9
ITA	↑ 6.9%	-2.1%	(232)	-	0.5
VMD	↑ 6.9%	8.8%	2,375	7.0	0.6
DBD	↑ 6.9%	20.9%	3,866	14.3	2.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BXH	↑ 10.0%	4.0%	735	20.4	0.8
KHS	↑ 9.4%	-5.4%	(963)	-	0.7
PTD	↑ 9.0%	3.0%	567	11.8	0.4
TXM	↑ 8.7%	0.1%	18	260.8	0.3
ATS	↑ 7.7%	0.6%	74	122.8	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
NKG	2,529,000	-4.8%	(975)	-	1.1
HAG	2,525,100	18.6%	1,070	10.5	2.0
EVF	2,341,516	9.0%	1,045	15.8	1.4
VHM	2,104,570	25.0%	9,468	4.4	1.0
TCH	1,608,400	2.9%	514	23.9	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	1,162,800	0.8%	122	160.2	1.6
EVS	56,000	5.9%	688	12.6	0.7
VIG	35,000	6.8%	501	15.2	1.1
CEO	23,900	6.7%	955	22.9	1.8
TNG	6,216	13.4%	1,776	10.4	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	475,632	22.6%	6,013	14.2	3.0
BID	198,800	17.6%	3,887	10.1	1.7
VHM	179,400	25.0%	9,468	4.4	1.0
GAS	178,686	19.0%	5,283	14.7	2.9
VIC	162,283	2.7%	977	43.5	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,641	6.7%	1,846	21.1	1.4
HUT	17,404	0.8%	122	160.2	1.6
IDC	16,071	17.0%	3,177	15.3	2.9
SHS	14,718	5.4%	643	28.1	1.5
THD	13,667	2.9%	460	77.2	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	3.12	-0.2%	(32)	-	0.7
VPH	3.05	-2.0%	(218)	-	0.8
EVG	2.69	1.3%	155	34.0	0.4
DXS	2.58	-1.9%	(269)	-	0.5
CTS	2.55	7.9%	1,020	26.8	2.0

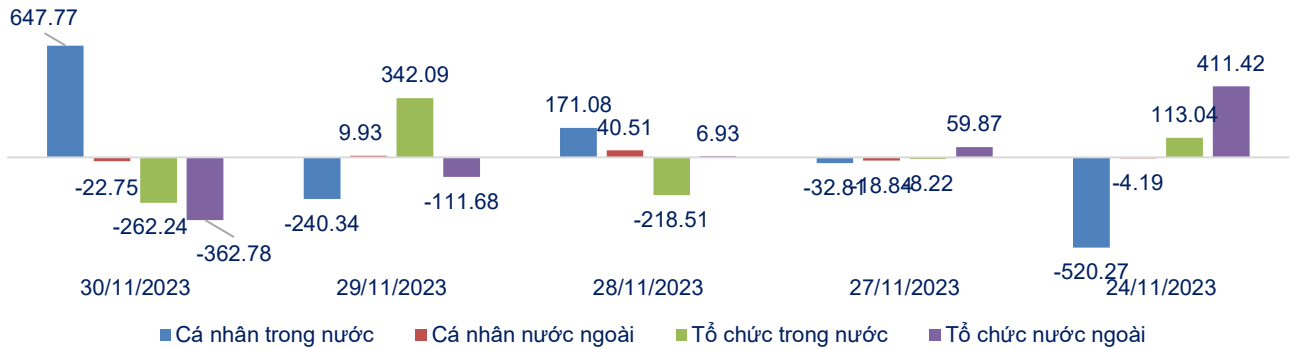
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	3.60	6.2%	641	24.0	1.4
C69	2.57	2.1%	256	26.5	0.6
VC2	2.46	2.2%	296	34.5	0.8
VIG	2.20	6.8%	501	15.2	1.1
VGS	2.10	5.3%	939	24.1	1.3



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	120.91	24.4%	4,029	17.0	4.2
STB	106.80	17.5%	3,825	7.3	1.2
MSN	79.85	2.2%	572	109.9	2.4
VIC	70.79	2.7%	977	43.5	1.1
HPG	60.23	1.9%	322	83.9	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-71.51	25.0%	9,468	4.4	1.0
NKG	-56.92	-4.8%	(975)	-	1.1
CTR	-48.97	29.0%	4,346	20.9	5.7
NVL	-47.63	-1.4%	(309)	-	0.8
FRT	-34.63	-7.8%	(1,103)	-	7.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	3.77	9.7%	1,502	12.8	1.0
HSG	3.28	0.2%	37	585.9	1.2
STB	1.73	17.5%	3,825	7.3	1.2
DXG	1.10	-2.0%	(456)	-	0.9
HDB	1.02	20.7%	2,926	6.2	1.2

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-17.56	22.3%	4,815	19.0	4.1
TPB	-4.98	17.0%	2,483	6.8	1.1
PVD	-3.44	3.0%	779	36.7	1.1
VND	-2.69	7.8%	957	22.0	1.6
POM	-2.59	-47.5%	(3,857)	-	0.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	90.93	N/A	N/A	N/A	N/A
NVL	49.83	-1.4%	(309)	-	0.8
FUEVFNVD	25.57	N/A	N/A	N/A	N/A
CTR	24.50	29.0%	4,346	20.9	5.7
DXG	16.33	-2.0%	(456)	-	0.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-75.93	17.5%	3,825	7.3	1.2
EVF	-59.02	9.0%	1,045	15.8	1.4
MSB	-56.56	17.2%	2,471	5.2	0.8
VPB	-36.63	9.7%	1,502	12.8	1.0
FPT	-28.10	22.3%	4,815	19.0	4.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	86.78	25.0%	9,468	4.4	1.0
NKG	58.08	-4.8%	(975)	-	1.1
EVF	39.66	9.0%	1,045	15.8	1.4
FRT	37.46	-7.8%	(1,103)	-	7.6
KOS	31.24	0.8%	80	465.1	3.5

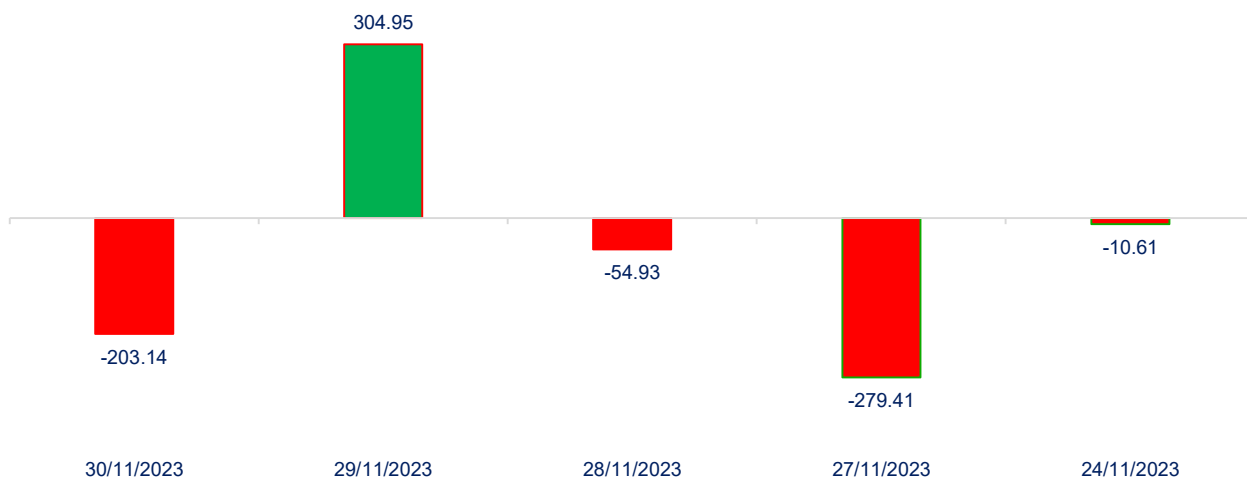
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-104.54	24.4%	4,029	17.0	4.2
FUESSVFL	-90.91	N/A	N/A	N/A	N/A
MSN	-80.43	2.2%	572	109.9	2.4
HPG	-62.16	1.9%	322	83.9	1.6
VIC	-54.60	2.7%	977	43.5	1.1

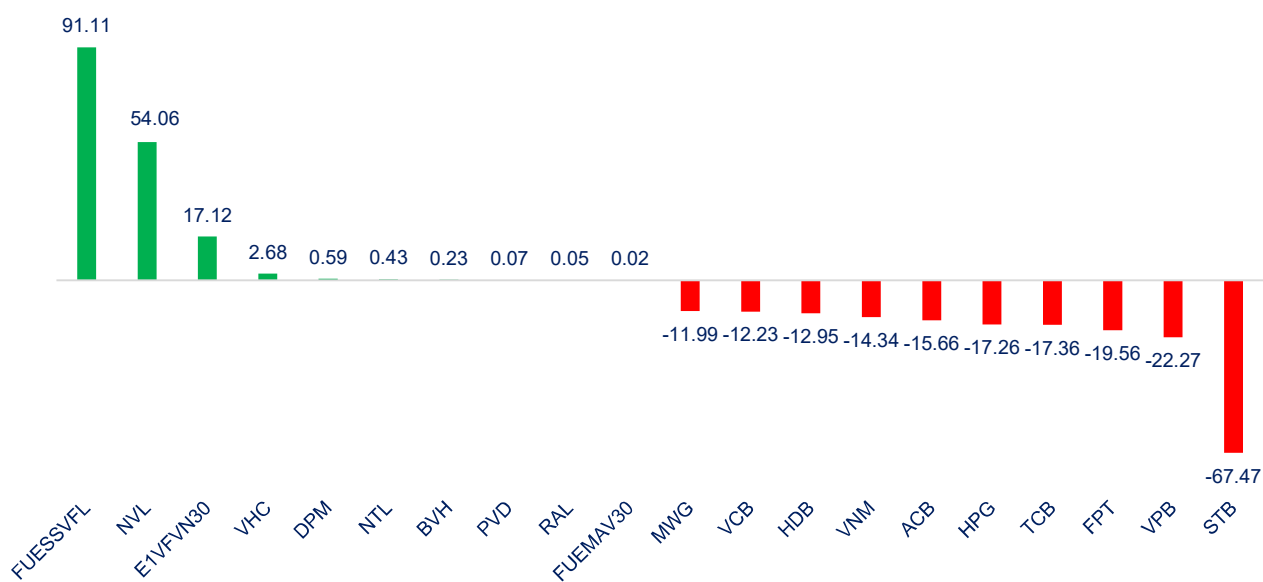


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn